TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HS-ST
Ngày: 08-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 01/01/1987 tại Bạc Liêu. Nơi thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P, sinh năm 1963 (sống) và bà Từ Bích N, sinh năm 1961 (sống); bản thân có vợ tên Trần Thị D (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Phạm Xuân T1 - Luật sư thuộc văn phòng L – Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- Bị hại:

1. Nguyễn Tôn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Trường G, sinh năm 1993

Nơi thường trú: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hữu P1, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Ấp Nhà Thờ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở: Ấp 3B, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Bùi Văn M, sinh năm 1992

Nơi thường trú: Ấp Minh Thượng A, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở: Ấp 3A, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Lê Văn T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Võ Hoài N1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3. Trần Thị T3, sinh năm 1994 (vắng mặt).

4. Hà Quốc T4, sinh năm 1995 (vắng mặt).

5. Nguyễn Thị B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/5/2022, Lê Văn T và Nguyễn Thị B (sống chung như vợ chồng với T) tổ chức tiệc sinh nhật cho con của T tại phòng trọ số 02 thuộc nhà trọ Đ, ngụ ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và có thuê nhạc sóng để hát Karaoke. Tiện có mời Bùi Văn M, Trần Thị T3 là bạn của T ở gần phòng trọ với T đến dự tiệc.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 29/5/2022, Nguyễn Hoàng Q ở nhà trọ M2 đối diện nhà trọ Đạt Đa cách nhau khoảng 10m, Qui có tổ chức tiệc thôi nôi cho con của Q tại nhà trọ của Q. Lúc này, có Nguyễn Hữu P1, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tôn C và khoảng 07 người nam thanh niên khác không xác định nhân thân lai lịch đến dự tiệc và ngồi tại bàn ăn phía trước nhà trọ của Q. Lúc này,

Nguyễn Tôn C cùng những người trong buổi tiệc định hát Karaoke nhưng thấy bên phòng trọ của T đang hát Karaoke nên Nguyễn Tôn C đi đến phòng trọ của T xin Tiện ngưng hát để cho C và những người trong tiệc thôi nôi con của Qui hát Karaoke, nhưng T không đồng ý nên dẫn đến Tiện và C xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, T dùng tay phải đánh 01 cái trúng vào ngực C làm cho C té ngã vào tường, C dùng chân phải đạp 01 cái trúng vào đùi bên phải của T làm Tiện té ngã xuống nền gạch trong phòng của T thì được T3, M và mọi người can ngăn nên Các trở lại bàn tiệc tiếp tục dự thôi nôi con của Q.

Khoảng 20 phút sau, M đi từ phòng trọ của T đến bàn tiệc nơi C đang ngồi chung với G, P1 và khoảng 07 người nam thanh niên để xin lỗi Các thay cho T. Khi đang nói chuyện với Các thì M thấy G đang nhìn M nên hỏi G "Mày nhìn cái gì? Mày muốn cái gì?" nên G đứng lên cầm 01 cái ghế bằng inox đang ngồi định đánh M thì bị vấp té, G đứng lên cùng với C và khoảng 07 người nam thanh niên trong bàn cầm ghế bằng inox xông tới đuổi đánh M nhưng không trúng, M bỏ chạy về hướng nhà trọ của T. Lúc này, T đang đứng trước phòng trọ nhìn thấy M bị đuổi đánh nên đi vào trong phòng trọ của T lấy 01 con dao (loại dao Thái Lan), cán màu vàng, mũi nhọn dài khoảng 20cm để ở trong phòng trọ trên nền gạch, chỗ T ngồi uống bia rồi bỏ vào trong túi quần bên phải rồi đi ra đường nhựa trước phòng trọ của T với ý định đánh giải vây cho M. Khi C, G và nhóm thanh niên đuổi theo M đến vị trí Tiện đang đứng thì T rút con dao ra cầm trên tay phải xông tới để đâm nhóm người phía bên Các và G. Khi G chạy đến đứng đối diện phía bên trái của T thì T cầm dao trên tay phải đâm một cái trúng vào vùng mông bên trái của G gây thương tích, C và những người khác xông về phía T thì T cầm dao trên tay phải đâm 01 cái trúng vào vùng sườn bên trái và 01 cái trúng vào vùng vai trái của Các gây thương tích nên Các bỏ chạy. Lúc này, G và nhóm nam thanh niên tiếp tục xông đến thì bị T cầm dao quơ ngang trúng 01 cái vào vùng cổ bên trái nên G lùi lại thì bị T đâm 01 cái trúng vào vùng sườn bên trái của G gây thương tích. P1 thấy C và G bị T gây thương tích nên vào can ngăn và kéo G ra ngoài thì bị T cầm dao đâm 01 cái trúng vào cẳng tay phải gây thương tích nhẹ. Sau đó, C và G được mọi người đưa đi bệnh viện điều trị thương tích. T cầm con dao đi về phòng trọ của T lấy xe mô tô không xác định biển số điều khiển bỏ đi về hướng huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi Tiện đã ném con dao. Đến ngày 25/6/2022, Nguyễn Tôn C và Nguyễn Trường G có đơn tố cáo yêu cầu xử lý hành vi gây thương tích của Lê Văn T theo quy định pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 246/TgT.22-PY ngày 12/9/2022 của Trung tâm P2, Sở Y kết luận tỷ lệ thương tích của Nguyễn Tôn C như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 sẹo vết thương vùng liên sườn 7 nách giữa bên trái kích thước 1,7cm x 0,5cm, lành, không ảnh hưởng chức năng.

- 01 sẹo vết thương sau bả vai trái kích thước 02cm x 0,5cm, không ảnh hưởng chức năng.

- 01 sẹo mổ đường giữa bụng kích thước 23,5cm x 01cm, lành.

- 01 sẹo ống dẫn lưu vùng hố chậu phải kích thước 01cm x 0,5cm, lành.

- 01 sẹo ống dẫn lưu vùng bụng bên trái kích thước 01cm x 0,3cm, lành.

- 01 sẹo ống dẫn lưu phổi trái kích thước 2,5cm x 02cm, lành, không ảnh hưởng chức năng.

- Tràn dịch màng phổi trái lượng nhiều (Hồ sơ bệnh án).

- Gãy xương bả vai trái đã can xương không di lệch.

- Vết thương cơ hoành kích thước khoảng 02cm (Hồ sơ bệnh án).

- Vết thương lách (Hồ sơ bệnh án).

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Tôn C là 38% (Ba mươi tám phần trăm).

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương có khả năng do vật sắc nhọn gây nên".

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 247/TgT.22-PY ngày 12/9/2022 của Trung tâm P2, Sở Y kết luận tỷ lệ thương tích của Nguyễn Trường G như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 sẹo vết thương vùng cổ bên trái kích thước 01cm x 0,3cm lành, không ảnh hưởng chức năng.

- 01 sẹo vết thương vùng hạ sườn phải kích thước 1,5cm x 0,3cm lành, không ảnh hưởng chức năng.

- 01 sẹo vết thương vùng mông trái kích thước 1,7cm x 0,3cm lành, không ảnh hưởng chức năng.

- Siêu âm: Tổn thương gan cũ kích thước 17 x 11mm.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Trường G là 08% (Không tám phần trăm).

3. Kết luận khác (nếu có): Cơ chế hình thành vết thương có khả năng do vật sắc nhọn gây nên".

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSĐH ngày 13/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Lê Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Đối với Nguyễn Văn M1 bị G, C và những người thanh niên không xác định nhân thân lai lịch đuổi đánh nhưng không trúng và không gây thương tích gì và đối với Nguyễn Hữu P1 bị T cầm dao đâm 01 cái trúng vào cẳng tay phải gây thương tích nhẹ. M1, P1 từ chối giám định thương tích nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Tôn C yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường các chi phí bao gồm: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 18.711.730đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh C và của người chăm sóc là 70.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 70.000.000 đồng, chi phí đi lại là 5.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Trường G yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường các chi phí bao gồm: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 17.072.874 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh G trong thời gian 06 tháng là 50.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng, không yêu cầu chi phí đi lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự chấp nhận các khoản như sau:

Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Tôn C các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 18.711.730đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh C và của người chăm sóc trong thời gian điều trị 10 ngày là 3.200.000đồng, tiền tổn thất tinh thần là 20 tháng lương cơ sở là 36.000.000 đồng, chi phí đi lại là 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Trường G các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 17.072.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh G trong thời gian điều trị 19 ngày là 5.058.617 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 05 tháng lương cơ sở là 9.000.000 đồng, không yêu cầu chi phí ăn uống đi lại nên không xem xét.

Khấu trừ số tiền 50.000.000đồng gia đình bị cáo T nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại số tiền 44.043.221 đồng.

Về vật chứng: Đối với 01 con dao (loại dao Thái Lan) cán màu vàng, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn dài khoảng 20cm bị cáo T sử dụng làm hung khí để gây thương tích cho Nguyễn Tôn C và Nguyễn Trường G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng kết quả không truy tìm được.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T có ý kiến tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan nên không tranh luận về tội danh và điều luật. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo từ nhỏ sinh sống và lớn lên trên vùng đất khó khăn về kinh tế, trình độ học vấn thấp, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, có ông nội Lê Văn Q1 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có ông ngoại Từ Văn T5 là Liệt sĩ, đã nộp khắc phục bồi thường một phần

cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Hữu P1, Bùi Văn M và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, bản kết luận giám định pháp y về thương tích, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/5/2022, tại phía trước nhà trọ của Lê Văn T ngụ ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, do có mâu thuẫn từ việc bị hại Các đến nhà trọ của T xin T ngưng hát Karaoke để cho bị hại Các và những người dự tiệc thôi nôi con của Nguyễn Hoàng Q ở nhà trọ đối diện với nhà trọ của T hát Karaoke nhưng T không đồng ý, nên giữa T và C xảy ra mâu thuẫn cự cãi đánh nhau. Sau đó, T nhìn thấy M bị C, G và nhóm thanh niên đuổi đánh nên đi vào trong phòng trọ của T lấy 01 con dao (loại dao Thái Lan), cán màu vàng, mũi nhọn dài khoảng 20cm cầm trên tay phải đâm một cái trúng vào vùng mông bên trái của G gây thương tích, C và

những người khác xông về phía T thì T cầm dao trên tay phải đâm 01 cái trúng vào vùng sườn bên trái và 01 cái trúng vào vùng vai trái của Các gây thương tích nên Các bỏ chạy. Lúc này, G và nhóm thanh niên tiếp tục xông đến thì bị T cầm dao quơ ngang trúng 01 cái vào vùng cổ bên trái nên G lùi lại thì bị T đâm 01 cái trúng vào vùng sườn bên trái của G gây thương tích. P1 thấy C và G bị T gây thương tích nên vào can ngăn và kéo G ra ngoài thì bị T cầm dao đâm 01 cái trúng vào cẳng tay phải của G gây thương tích nhẹ. Hậu quả, bị hại Nguyễn Tôn C bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 38%; Nguyễn Trường G bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 08%. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà bị cáo T dùng dao là hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, gây thương tích cho Các với tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%, G tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% nên thuộc tình tiết định khung trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xuất phát từ một phần lỗi của bị hại, mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm Các với tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%, G tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được sức khỏe là vốn quý nhất của con người và được pháp luật bảo hộ, bị cáo cũng nhận biết việc gây thương tích cho bị hại và làm cho bị hại bị giảm sút về sức khỏe và khả năng lao động là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo bất chấp, chứng tỏ bị cáo đã xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, nhân thân bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, có ông nội Lê Văn Q1 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có ông ngoại Từ Văn T5 là Liệt sĩ, đã nộp khắc phục bồi thường một phần cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[2.4] Quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, ý kiến bào chữa của người bào chữa sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[3] Đối với Nguyễn Văn M1 bị G, C và những người thanh niên không xác định nhân thân lai lịch đuổi đánh nhưng không trúng và không gây thương tích gì và đối với Nguyễn Hữu P1 bị T cầm dao đâm 01 cái trúng vào cẳng tay phải gây thương tích nhẹ. M1, P1 từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Tôn C yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường các chi phí bao gồm: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 18.711.730đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh C và của người chăm sóc là 70.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 70.000.000 đồng, chi phí đi lại là 5.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Trường G yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường các chi phí bao gồm: Chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn chứng từ là 17.072.874 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh G trong thời gian 06 tháng là 50.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng, không yêu cầu chi phí đi lại.

Tại phiên tòa, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường chi phí điều trị theo hóa đơn chứng từ do bị hại cung cấp, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên các yêu cầu khác bị cáo không đồng ý bồi thường, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bị hại Các trình bày trước khi bị thương tích bị hại làm nghề lái xe dịch vụ, thu nhập bình quân mỗi ngày từ 500.000đồng đến 1.000.000đồng, tuy nhiên anh C không cung cấp được cho Tòa án hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng để giải quyết, theo thông tin anh C cung cấp thì anh C đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc Vùng II, mức lương là 4.160.000đồng/tháng. Bị hại G có cung cấp cho Tòa án Sao kê tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V) chứng minh mức lương tháng 4/2022 do Công ty TNHH P3 trả cho bị hại G là 6.922.319 đồng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo mức lương này để tính các khoản bồi thường cho bị hại G. Ngoài ra, bị hại C và G không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ gì thể hiện chỉ định của bác sĩ về thời gian cần phải

nghĩ dưỡng sau khi điều trị thương tích. Do đó, mức bồi thường của các bị hại được tính như sau:

Đối với bị hại Nguyễn Tôn C: Chi phí điều trị theo hóa đơn chứng từ là 18.711.730 đồng; Tiền mất thu nhập của bị hại Các và người chăm sóc trong thời gian điều trị từ ngày 29/5/2022 đến ngày 07/6/2022 là 10 ngày x 160.000đồng/ngày x 2 là 3.200.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 20 tháng lương cơ sở x 1.800.000đồng là 36.000.000đồng; Chi phí đi lại là 5.000.000đồng. Tổng cộng là 62.911.730đồng.

Đối với bị hại Nguyễn Trường G: Chi phí điều trị theo hóa đơn chứng từ là 17.072.874 đồng; Tiền mất thu nhập của bị hại trong thời gian điều trị từ ngày 29/5/2022 đến ngày 16/6/2022 là 19 ngày x 266.243đồng/ngày là 5.058.617đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 05 tháng lương cơ sở x 1.800.000đồng là 9.000.000đồng; Chi phí đi lại không yêu cầu nên không xem xét. Tổng cộng là 31.131.491đồng.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Các số tiền 62.911.730đồng; bồi thường cho bị hại G số tiền 31.131.491đồng. Khấu trừ số tiền 50.000.000đ gia đình bị cáo đã nộp bồi thường thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại số tiền 44.043.221đồng.

Anh Lê Văn T2 nộp số tiền 30.000.000 đồng và gửi 20.000.000đồng để người bào chữa Phạm Xuân T1 nộp bồi thường khắc phục hậu quả thay bị cáo T nhưng không có yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 con dao (loại dao Thái Lan) cán màu vàng, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn dài khoảng 20cm bị cáo T sử dụng làm hung khí để gây thương tích cho Nguyễn Tôn C và Nguyễn Trường G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng kết quả không truy tìm được nên không xét đến.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đồng gia đình bị cáo T nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa để đảm bảo thi hành án (Số tiền trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý, tạm giữ).

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều

147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 04 (bốn) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 09-3-2023.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 08-9-2023 để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lê Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Tôn C số tiền 62.911.730đồng (Sáu mươi hai triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm ba mươi đồng); Bồi thường cho bị hại Nguyễn Trường G số tiền 31.131.491đồng (Ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng). Khấu trừ số tiền 50.000.000đồng gia đình bị cáo đã nộp bồi thường thay cho bị cáo, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại Nguyễn Tôn C và Nguyễn Trường G số tiền 44.043.221đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm hai mươi mốt đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đồng gia đình bị cáo T nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa để đảm bảo thi hành án. (Số tiền này hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0002702 ngày 14/7/2023 và biên lai thu tiền số 0002745 ngày 15/8/2023).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.202.161đồng (Hai triệu hai trăm lẻ hai nghìn một trăm sáu mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm